TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-ST
Ngày 07 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hảo; bà Nguyễn Thị Kim Thanh
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà**:* Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc G, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1995 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 08, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn P, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 13/02/2020, Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành C về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000 đồng. Đã chấp hành nộp phạt ngày 25/3/2020.

Nhân thân: Ngày 26/11/2014 Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành C về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền là 1.250.000 đồng.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang từ ngày 19/12/2020. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Anh T, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2001 tại Tuyên Quang;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ, sinh năm 1979 và bà Sầm Thị H, sinh năm 1982; anh, chị, em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 13/02/2020, Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành C về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000 đồng. Đã chấp hành nộp phạt ngày 25/3/2020.

Nhân thân: Bản án Hình sự sơ thẩm số 33/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (ngày phạm tội 02/9/2020).

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang từ ngày 19/12/2020. Có mặt tại phiên tòa.

** Những người làm chứng:*

1. Ông Vương Văn M, sinh năm 1966; Vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Lý Văn H, sinh năm 2000; Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Lê Đức C, sinh năm 1981; Vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/12/2020, Vương Văn M, sinh năm 1966, trú tại thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang gặp anh Trần Anh T và Lý Văn H là người quen ở cùng xã với M tại quán nước cổng Trường THPT Đ, xã Đ, huyện S. Trong khi ngồi uống nước, M lấy ra 500.000 đồng (gồm 02 tờ tiền có mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng) đưa cho T và nói *"đi mua ít đồ về ngồi cùng nhau"* (M khai, bảo T đi mua đồ ăn về để cùng ngồi uống rượu); T cầm tiền và rủ H cùng điều khiển xe của H BKS 22S1-077.16 đi lên thành phố T (T khai, T hiểu việc M đưa tiền bảo đi mua đồ là đi mua ma túy về cùng sử dụng). Trên đường đi, T gọi điện cho Trần Ngọc G, sinh năm 1995, trú tại tổ 8, phường Đ, thành phố T (là người quen của T) và nói *"Anh đang ở đâu em lên anh lấy cho em mấy trăm đồ"*; G hiểu là T nhờ mua ma túy đá, nên đã hẹn gặp T tại khu vực cổng Trường THPT S, phường Đ, thành phố T.

Khi đến điểm hẹn thấy G đang chơi bi-a, sau đó cả T, H và G cùng đi xe mô tô của H lên khu vực Km 11 đường Tuyên Quang – Hà Nội, G gửi xe mô tô của H ở hiệu cầm đồ Tuấn Hiền và thuê xe taxi BKS 22A-028.40, do Lê Đức C điều khiển chở G, T và H đi lên thành phố T để G mua ma túy đá cho T. Trên đường đi, G gọi điện thoại cho Nguyễn Bích

H1, sinh năm 1999, trú tại thôn 01 V, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (tên thường gọi là Tít) và nói *"Đang ở đâu đấy, anh lên lấy hộ anh mấy trăm đồ"* (G khai, ý bảo H1 mua hộ mấy trăm nghìn ma túy đá), H1 đồng ý và hẹn gặp G tại khu vực cổng Trường THCS P, phường P, thành phố T; sau khi G gọi điện xong, T đã đưa cho G 500.000 đồng, là số tiền do M đưa. Khi xe taxi đến cổng Trường THCS P, một mình G xuống xe vào trong ngõ giáp với Trường học để gặp H1, G đưa cho H1 600.000 đồng (gồm 500.000 đồng của T đưa và 100.000 đồng của G); H1 cầm tiền rồi cùng G đi ra và lên xe taxi đi đến khu vực đền Cây Xanh, phường M, thành phố T (trên đường đi H1 có xuống mua 01 chiếc bánh Gato tại cửa hàng đối diện với Công an thành phố T). Khi đến khu vực đền Cây Xanh, H1 một mình xuống xe, cầm theo chiếc bánh Gato và đi bộ vào trong ngõ. Khoảng 15 phút sau H1 đi ra lên xe taxi cùng G, T và H đi về cổng Trường THCS P, đến nơi H1 và G xuống xe đi bộ vào ngõ giáp với Trường học, trên đường đi H1 đưa cho G 02 gói ma túy đá, G cầm và cất giấu vào túi quần bên trái đang mặc trên người rồi quay ra lên xe taxi cùng T và H đi về.

Khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, khi xe taxi chở G, T và H đi đến Km 125+300 Quốc lộ 2 thuộc khu vực thôn P, xã T, thành phố T thì bị Tổ công tác của phòng CSĐT tội phạm về ma túy phối hợp với Tổ công tác của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ trong túi quần bên trái của G 02 gói nilon màu trắng, mép túi viền kẻ màu xanh, bên trong chứa tinh thể màu trắng. G khai là ma túy đá, mục đích tàng trữ để sử dụng, Tổ công tác đã niêm phong số ma túy theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 22/GĐKTHS ngày 19/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số tinh thể màu trắng ngà thu giữ của Trần Ngọc G là Methamphetamine có khối lượng 0,639 gam *(không phẩy sáu trăm ba mươi chín gam).*

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy ngày 19/12/2020, kết quả Trần Ngọc G và Lê Đức C (+) dương tính có chất ma túy trong cơ thể; Trần Anh T và Lý Văn H (-) âm tính không có chất ma túy trong cơ thể.

Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo: Trần Ngọc G và Trần Anh T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Qua quá trình xét hỏi tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản đối chất, vật chứng, kết luận giám định, biên bản kiểm tra điện thoại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

1. Bị cáo Trần Ngọc G tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 19/12/2020.

2. Bị cáo Trần Anh T tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 19/12/2020. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 33/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong, còn nguyên vẹn dán kín các mép dán, bên ngoài mặt trước ghi tên "Tang vật vụ Trần Ngọc G, giám định ngày 19/12/2020". Trên bì niêm phong có chữ ký của ông Lê Hoài Vũ và ông Trần Quốc Khánh - Cán bộ phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, chữ ký của Trần Ngọc G và 05 (Năm) hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động của Trần Ngọc G nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số IMEI: 356489060698110. Điện thoại cũ xước đã qua sử dụng, trong có gắn 01 sim số thuê bao 0334.963.854.

- 01 điện thoại di động của Trần Anh T nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số IMEI: 356010083468867. Điện thoại cũ xước đã qua sử dụng, trong có gắn 01 sim số thuê bao 0334.084.222.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua phần xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả

tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản đối chất, vật chứng, kết luận giám định, biên bản kiểm tra điện thoại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/12/2020, Trần Ngọc G sinh năm 1995, trú tại tổ 8, phường Đ, thành phố T và Trần Anh T sinh năm 2001, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng **0,639 gam** (không phẩy sáu trăm ba mươi chín gam).

Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-P1 ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố đối với các bị cáo Trần Ngọc G và Trần Anh T là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Ngọc G và Trần Anh T, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi của bị cáo Trần Ngọc G, ngày 19/12/2020 do có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Bích H1, bị cáo là người trực tiếp cầm số tiền 600.000 đồng (Trong đó 500.000 đồng của Trần Anh T đưa cho và 100.000 đồng của Trần Ngọc G tự góp thêm vào) đưa cho Nguyễn Bích H1 tại khu vực gần cổng Trường THCS P để nhờ Nguyễn Bích H1 đi mua hộ ma túy. Sau khi mua được ma túy, bị cáo G trực tiếp cầm và để ma túy trong túi quần bên trái đang mặc của mình để nhằm mục đích mang về để sử dụng cho bản thân và các đối tượng liên quan.

Về hành vi của bị cáo Trần Anh T, do có mối quan hệ quen biết với bị cáo G từ trước nên gọi điện nhờ bị cáo G mua hộ ma túy và là người trực tiếp đưa số tiền 500.000 đồng (là số tiền của Vương Văn M đưa cho nhờ đi mua đồ về ngồi cùng ăn với nhau) cho bị cáo G ở trong xe taxi khi đang đỗ ở gần khu vực cổng Trường THCS P để mua hộ ma túy về nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân và các đối tượng liên quan.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình nhưng đã cố ý coi thường pháp luật. Các bị cáo Trần Ngọc G và Trần Anh T đều có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành C về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mình sống có ích cho xã hội mà vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo bất chấp thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng. Hành vi của các bị cáo không những làm ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế của gia đình mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác phát triển, hành vi đó đi ngược lại với chủ trương C sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm mất an ninh C trị tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đánh giá vài trò của các bị cáo trong trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Tuy nhiên, để có căn cứ quyết định hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng bị cáo Trần Ngọc G là người thực hành tích cực, bị cáo mua ma túy trực tiếp từ Nguyễn Bích H1, khi bị khám xét thu giữ, số ma túy trên đang nằm trong túi quần của bị cáo G còn bị cáo Trần Anh T, là người khởi xướng, trực tiếp gọi điện cho G nhờ mua ma túy và mang tiền trực tiếp đưa cho bị cáo G; bản thân các bị cáo cũng đều là đối tượng nghiện và tàng trữ ma túy để sử dụng, do vậy Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức dộ nguy hiểm của hành vi phạm tội của 2 bị cáo là ngang nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Trần Ngọc G và Trần Anh T đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra đối với bị cáo Trần Anh T còn phải tổng hợp hình phạt với Bản án Hình sự sơ thẩm số 33/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ được trên người các bị cáo, thấy rằng được các bị cáo sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy, do vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số vật chứng là ma túy thu giữ được khi bắt và khám xét, sau khi giám định được niêm phong trong phong bì có chữ ký và dấu niêm phong của cơ quan có thẩm quyền, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với ông Vương Văn M khai đưa cho bị cáo T 500.000 đồng và bảo *"đi mua ít đồ về ngồi cùng nhau",* nghĩa là bảo T đi mua đồ về để cùng ngồi uống rượu; còn bị cáo T khai, nghe M nói thế và đưa tiền thì T lại hiểu là M bảo đi mua ma túy. Ngoài ra, do có quen biết với bị cáo G, nên trong thời gian T đi, M đã hai lần gọi điện cho G và hỏi T đến chưa, về chưa (không có nội dung nào trao đổi về việc mua, bán ma túy). Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, trong đó đã tiến hành cho M và bị cáo T đối chất, nH M vẫn giữ nguyên lời khai, nên không đủ căn cứ để xác định Vương Văn M đồng phạm với các bị cáo T, G về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Nguyễn Bích H1 (tên thường gọi là Tít), theo bị cáo G khai, H1 đã bán cho G 02 gói ma túy đá trên đường ngõ giáp với Trường THCS P và việc mua bán này chỉ có G và H1 biết. Quá trình điều tra, xác minh đối tượng H1 không có mặt tại địa phương, không biết đang ở đâu, nên chưa làm rõ được hành vi của H1 về mua bán trái phép chất

ma túy. Cơ quan điều tra đã tách các tài liệu liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Bích H1 để tiếp tục điều tra làm rõ và xem xét xử lý sau.

Đối với Lý Văn H, do được bị cáo T rủ nên H đã sử dụng xe mô tô của mình đi cùng T lên thành phố T, nhưng H không biết việc các bị cáo G, T mua và cất giấu ma túy. Còn đối với Lê Đức C, lái xe taxi BKS 22A-028.40, được bị cáo G thuê chở lên thành phố T và không biết việc các bị cáo G, T đi mua và cất giấu ma túy. Đến khi G bị cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ ma túy thì cả H và C mới biết việc các bị cáo G, T đã mua và cất giấu ma túy trên người, nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Lý Văn H và Lê Đức C.

[9] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc G, Trần Anh T phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 19/12/2020.

2. Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 33/2021/HS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 19/12/2020.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy:

01 (một) bì niêm phong, còn nguyên vẹn dán kín các mép dán, bên ngoài mặt trước ghi tên "Tang vật vụ Trần Ngọc G, giám định ngày 19/12/2020". Trên bì niêm phong có chữ ký của ông Lê H1 Vũ và ông Trần Quốc Khánh - Cán bộ phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bà Nguyễn Thúy Vân – Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, chữ ký của Trần Ngọc G và 05 (Năm) hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động của Trần Ngọc G nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số IMEI: 356489060698110. Điện thoại cũ xước đã qua sử dụng, trong có gắn 01 sim số thuê bao 0334.963.854.

- 01 điện thoại di động của Trần Anh T nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số IMEI: 356010083468867. Điện thoại cũ xước đã qua sử dụng, trong có gắn 01 sim số thuê bao 0334.084.222.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 01/6/2021)

Về án phí: Các bị cáo Trần Ngọc G, Trần Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cục THA dân sự tỉnh T.Quang;
- Lưu HS + Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tuấn Tú